TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀNG ĐỊNH** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22-02-2018
V/v khởi kiện ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lương Đình Phương.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Hướng Duy Tùng.

2. Ông Lương Hồng Vinh.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Việt Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn*** *tham gia phiên toà*: Ông Hoàng Trường Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 87/2017/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2017 về việc khởi kiện ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXX-ST ngày 12 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên toà số: 03/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Hà Thị D, sinh năm 1983; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Vũ Văn Q, sinh năm 1980; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 03 tháng 01 năm 2018 của chị Hà Thị D trình bày: Chị kết hôn với anh Vũ Văn Q vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, trong quá trình chung sống có 01 người con chung là Vũ Hà Mai P, sinh ngày 03/9/2011, về tài sản chung

không có và các khoản vay và cho vay cũng không có. Trong cuộc sống gia đình ban đầu hạnh phúc sau đó đến tháng 8/2012 anh Vũ Văn Q vi phạm pháp luật và bị phạt 20 năm tù, thấy tình cảm không còn và cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài được nữa, nay chị D khởi kiện xin ly hôn với anh Vũ Văn Q, khi ly hôn chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung không có và các khoản vay và cho vay của hai vợ chồng cũng không có.

Tại bản tự khai ngày 29/12/2017 anh Vũ Văn Q trình bày: Anh kết hôn với chị Hà Thị D vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, trong quá trình chung sống có 01 người con chung là Vũ Hà Mai P, sinh ngày 03/9/2011, về tài sản chung không có và các khoản vay và cho vay cũng không có. Nay chị D xin ly hôn anh đồng ý ly hôn; về con chung đồng ý cho chị D nuôi con chung và anh không cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay chưa có điều kiện kinh tế, do anh Q hiện nay đang phải chấp hành án nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu và kết luận về thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật để giải quyết vụ án và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; về quan điểm giải quyết vụ án, ý kiến của Vị đại diện viện kiểm sát là chấp nhận yêu cầu của chị Hà Thị D xin ly hôn với anh Vũ Văn Q; còn về con chung đề nghị giao cho chị Hà Thị D trực tiếp nuôi dưỡng và không buộc anh Q cấp dưỡng nuôi con chung vì chị D không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Năm 2011 chị Hà Thị D kết hôn với anh Vũ Văn Q theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn là hôn nhân hợp pháp theo Điều 8; 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Thời gian chung sống hai người có 01 con chung là cháu Vũ Hà Mai P, sinh ngày 03/9/2011. Ban đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc sau đó anh Q vi phạm pháp luật bị xử phạt 20 năm tù, thấy tình cảm vợ chồng không còn nay chị D khởi kiên xin ly hôn với anh Q. Qua xem xét Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng chị D, anh Q không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và chị D với anh Q cũng nhất trí ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Hà Thị D, cho chị ly hôn với anh Vũ Văn Q là có căn cứ. Về con chung, hai người có 01 người con chung là Vũ Hà Mai P, sinh ngày 03/9/2011, do anh Q hiện nay đang chấp hành án và chưa có

diều kiện kinh tế nên giao con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là có căn cứ theo quy định tại các Điều 68; 69; 70 của Luật Hôn nhân và gia đình và cũng là phù hợp với ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà về việc giải quyết vụ án theo Điều 262 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị Hà Thị D không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung nên không buộc anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về án phí căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự chị Hà Thị D là người phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 và các Điều 57; 58, 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

2. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Hà Thị D là cho chị Hà Thị D ly hôn với anh Vũ Văn Q.

- Về con chung: Giao cháu Vũ Hà Mai P, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2011 cho chị Hà Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên. Anh Vũ Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh Vũ Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và các khoản vay và cho vay: Không có.

- Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Hà thị D phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí Hôn nhân và gia đình được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp tại biên lai số 03644 ngày 09 tháng 11 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn. Xác nhận chị Hà Thị D đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Tràng Định;
- CCTHADS huyện Tràng Định;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi các đương sự cư trú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lương Đình Phương